

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
THÀNH PHỐ H**

Số: 23/2020/HNGĐ-ST

Ngày 14/8/2020

V/v *Tranh chấp ly hôn giữa
chị La và anh Kiên*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----o0o-----**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Nhân

2. Bà Đỗ Thu Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 14/8/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 92/2020/TLST-HNGĐ ngày 13/5/2020 về tranh chấp “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐXX-ST ngày 14 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị L, sinh năm 1987 (Có mặt)

Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Xóm xxx, đội xxx, xã T, huyện T, TP. H

Hiện trú tại: Thôn A, xã T, huyện T, H

Bị đơn: Anh Nguyễn Trung K, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại: Xóm xxx, đội xxx, xã T, huyện T, TP. H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, chị Ngô Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 06 tháng 5 năm 2009, chị Ngô Thị L và anh Nguyễn Trung K đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, Thành phố H trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Sau khi kết hôn, chị L và anh K sống hòa thuận và hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có sự quan tâm, chia sẻ và chăm sóc nhau, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân và do anh K có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên chị L và anh K đã chấm dứt quan hệ tình cảm từ năm 2014 và chính thức sống ly thân từ tháng 5 năm 2019 đến nay. Chị L nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng, vợ chồng không hạnh phúc, không còn khả năng đoàn tụ nên chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị Ngô Thị L và anh Nguyễn Trung K có hai con chung là cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 20/3/2010 và cháu Nguyễn Thùy L, sinh ngày 06/10/2014. Cháu Nguyễn Tuấn A và cháu Nguyễn Thùy L đang ở với chị L và ông bà ngoại. Nếu ly hôn, chị L có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh K phải đóng góp phí tổn nuôi con chung.

Về tài sản chung vợ chồng, công sức xây dựng chung: Chị Ngô Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Trung K không đến Tòa án để giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị M là mẹ đẻ của anh Nguyễn Trung K trình bày: Anh Nguyễn Trung K và chị Ngô Thị L kết hôn hoàn toàn tự nguyện

và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào khoảng năm 2009. Sau khi kết hôn, anh Nguyễn Trung K và chị Ngô Thị L sống cùng với vợ chồng bà M tại xóm xxx, đội xxx, xã T, huyện T, TP. H. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa anh K và chị L là do anh K vay tiền để sử dụng vào mục đích cá nhân và không có khả năng trả nợ dẫn đến vợ chồng cãi nhau, đánh nhau. Anh K và chị L có hai con chung là cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 20/3/2010 và cháu Nguyễn Thùy L, sinh ngày 06/10/2014. Hai cháu đang ở cùng chị L và ông bà ngoại tại thôn A, xã T, huyện T, TP. H. Anh K và chị L không có tài sản chung. Hiện anh K đang đi làm xa nhà, thỉnh thoảng anh K vẫn về thăm nhà vài ngày rồi lại đi. Quá trình giải quyết vụ án, bà M đã nhận các văn bản tố tụng thay cho anh K và cam kết thông báo, giao văn bản cho anh K để anh K biết việc Tòa án nhân dân huyện T đang giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị L. Đồng thời, bà M cũng động viên anh K đến Tòa án làm việc theo giấy báo, thông báo đã nhận nhưng anh K không có ý kiến gì. Bà M nhận thấy chị L và anh K khó có khả năng đoàn tụ nếu anh K không thay đổi tính cách. Do vậy, bà M đề nghị Tòa án nhân dân huyện T giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai, bà Nguyễn Thị Đ là mẹ đẻ của chị Ngô Thị L trình bày: Chị Ngô Thị L cùng hai cháu Nguyễn Tuấn A và Nguyễn Thùy L về ở cùng với vợ chồng bà tại thôn A, xã T, huyện T, TP. H từ tháng 5/2019. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh K là do anh K không đi làm, thường xuyên đi chơi đêm và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Mặt khác, trong thời gian chung sống, anh K sống không có trách nhiệm, không quan tâm đến các con và chị L dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau và có đánh nhau. Vợ chồng bà Đ luôn tạo điều kiện về mặt chỗ ở và hỗ trợ kinh tế, thời gian để giúp chị L chăm sóc tốt nhất về mọi mặt cho cháu Tuấn A và cháu L. Bà Đ đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và xem xét, tạo điều kiện cho chị L được nuôi cả hai cháu.

Tại phiên tòa: Chị Ngô Thị L giữ nguyên quan điểm như đã trình bày ở trên.

Xác minh tại chính quyền địa phương, Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, TP. H cung cấp: Chị Ngô Thị L và anh Nguyễn Trung K kết hôn hoàn toàn tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo đúng phong tục của địa phương, đăng ký kết hôn vào ngày 06/5/2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, TP. H. Sau khi kết hôn, chị Ngô Thị L và anh Nguyễn Trung K sống cùng với bố mẹ anh K tại xóm xxx, đội xxx, xã T, huyện T, TP. H. Trong thời gian chung sống, chị L và anh K có cãi nhau và đánh nhau. Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, do anh K vay nợ để sử dụng vào mục đích cá nhân và không có khả năng trả. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và không tự hòa giải được nên chị L đã đưa con về nhà bố mẹ để sống và ly thân với anh K từ giữa năm 2019. Chị Ngô Thị L và anh Nguyễn Trung K có hai con chung là cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 20/3/2010 và cháu Nguyễn Thùy L, sinh ngày 06/10/2014. Cả hai cháu đang ở cùng chị L. Để đảm bảo quyền, lợi ích cho các đương sự trong vụ án, Ủy ban nhân dân xã T đề nghị Tòa án nhân dân huyện T giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T có quan điểm: Từ khi thụ lý vụ án đến khi kết thúc, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự. Nguyên đơn, đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự, bị đơn không chấp hành các quyền và nghĩa vụ nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Sau khi nghiên hồ sơ vụ án và nghe phần trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Ngô Thị L được ly hôn anh Nguyễn Trung K; Về con chung: Giao cả hai cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 20/3/2010 và cháu Nguyễn Thùy L, sinh ngày 06/10/2014 cho chị Ngô Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho

đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có đề nghị khác. Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp phí tổn nuôi con chung của anh Nguyễn Trung K đối với cháu Nguyễn Tuấn A và cháu Nguyễn Thùy L cho đến khi có đề nghị, thay đổi khác. Anh Nguyễn Trung K được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung vợ chồng, công sức xây dựng chung: Do chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét. Chị L phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, các chứng cứ và tài liệu do các đương sự xuất trình, Hội đồng xét xử nhận định:

1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Theo đơn khởi kiện vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình, chị Ngô Thị L đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn và các vấn đề khác với anh Nguyễn Trung K, có địa chỉ tại xóm xxx, đội xxx, xã T, huyện T, TP. H nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn đơn không chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự, vắng mặt không có lý do lần thứ hai tại phiên tòa nên căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

3] Về nội dung vụ án:

3.1] Về quan hệ vợ chồng: Chị Ngô Thị L và anh Nguyễn Trung K kết hôn vào ngày 06/5/2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, TP. H. Chị L và anh K kết hôn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo đúng phong tục của địa phương nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, sau một thời gian chung sống, do bất đồng quan điểm sống nên giữa chị L và anh K đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Mâu thuẫn trầm trọng kéo dài nên vợ chồng đã chấm dứt quan hệ tình cảm từ năm 2014 và chính thức sống ly thân từ tháng 5 năm 2019 đến nay. Tòa án tiến hành hòa giải để chị L và anh K đoàn tụ nhưng không thành do chị L cương quyết đề nghị Tòa xét xử cho ly hôn.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Ngô Thị L và anh Nguyễn Trung K căng thẳng từ lâu, cả hai đã chấm dứt quan hệ tình cảm được sáu năm, chị L không còn tình cảm vợ chồng với anh K, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị L giữ nguyên quan điểm xin ly hôn. Trong khi đó, anh K không đến tham gia các buổi hòa giải tại Tòa án, không thể hiện mong muốn được đoàn tụ. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 xử cho chị L được ly hôn với anh K là đúng pháp luật.

3.2] Về con chung: Chị Ngô Thị L và anh Nguyễn Trung K có hai con chung là cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 20/3/2010 và cháu Nguyễn Thùy L, sinh ngày 06/10/2014. Chị L có nguyện vọng nuôi cả hai cháu. Hội đồng xét xử xét thấy, chị L có công việc và thu nhập ổn định đảm bảo để nuôi các con nên giao cháu Nguyễn Tuấn A và cháu Nguyễn Thùy L cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là để đảm bảo quyền lợi tốt nhất về mọi mặt cho cháu Tuấn A và cháu L, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.3] Về đóng góp phí tổn nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị L không yêu cầu anh K phải đóng góp phí tổn nuôi con chung nên

tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp phí tổn nuôi con chung của anh Nguyễn Trung K đối với cháu Nguyễn Tuấn A và cháu Nguyễn Thùy L cho đến khi có đề nghị, thay đổi khác.

3.4] Về tài sản chung, công sức đóng góp, xây dựng chung: Chị Ngô Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3.5] Về án phí: Chị Ngô Thị L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0012253 ngày 12/5/2020 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện T.

3.6] Về quyền kháng cáo: Chị Ngô Thị L và anh Nguyễn Trung K có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị L được ly hôn anh Nguyễn Trung K.
2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 20/3/2010 và cháu Nguyễn Thùy L, sinh ngày 06/10/2014 cho chị Ngô Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nguyễn Tuấn A và cháu Nguyễn Thùy L trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có đề nghị, thay đổi khác. Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp phí tổn nuôi con chung của anh Nguyễn Trung K đối với cháu Nguyễn Tuấn A và cháu

Nguyễn Thùy L cho đến khi có đề nghị, thay đổi khác. Quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn của anh Nguyễn Trung K được pháp luật bảo đảm.

3. Về tài sản chung của vợ chồng, công sức đóng góp, xây dựng chung: Chị Ngô Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Ngô Thị L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0012253 ngày 12/5/2020 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện T.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND. TP H;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện T;
- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện T;
- Ủy ban nhân dân xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Lan Hương